

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Số 06/22/180 Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Trung T - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 3, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H. Vắng mặt anh T (Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/5/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Trung T kết hôn ngày 14/01/2011 tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và nghiện ma túy. Do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống,

bản thân anh T không có trách nhiệm với gia đình nên từ tháng 6/2014 vợ chồng đã sống ly thân, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo N - Sinh ngày 07/7/2011 và Trần Nguyễn Minh A - Sinh ngày 05/01/2014. Chị nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, khoản nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018, ông Lê Quyết T (là ông ngoại của anh Trần Trung T) cung cấp như sau:

Do bố mẹ ly hôn nên từ nhỏ anh T ở với ông Lê Quyết T và vẫn thường xuyên về thăm cũng như điện thoại thăm hỏi ông. Anh T có biết việc chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật do vợ chồng không chung quan điểm, cách sống và đã ly thân với nhau từ lâu. Ông T cũng xác nhận các vấn đề sau: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo N - Sinh ngày 07/7/2011 và Trần Nguyễn Minh A - Sinh ngày 05/01/2014. Về tài sản, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81; 82; 83 giao con chung là Trần Nguyễn Thảo N - Sinh ngày 07/7/2011 và Trần Nguyễn Minh A - Sinh ngày 05/01/2014 cho chị H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Trần Trung T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.
Về án phí: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Trung T nhưng anh T vẫn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung T kết hôn ngày 14/01/2014 tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn trầm trọng về tính cách, quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018, ông Lê Quyết T (là ông ngoại của anh Trần Trung T) cung cấp như sau: Do bố mẹ ly hôn nên từ nhỏ, anh T ở với ông Lê Quyết T. Anh T có biết việc chị H có đơn xin ly hôn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật do vợ chồng không chung quan điểm, cách sống và đã ly thân với nhau từ lâu.

HĐXX thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo N - Sinh ngày 07/7/2011 và Trần Nguyễn Minh A - Sinh ngày 05/01/2014.

Xét yêu cầu của chị H về việc nhận 02 nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con thì thấy rằng: Anh T vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung.

Việc chị H nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị H và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo N - Sinh ngày 07/7/2011 và Trần Nguyễn Minh A - Sinh ngày 05/01/2014.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Trần Trung T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04769 ngày 08/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Trung T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thái Hà